

Series Lynx A G4

16kWh | Pin lưu trữ điện áp thấp

Pin Lynx A G4 Series 16kWh là giải pháp lưu trữ năng lượng điện áp thấp, dung lượng lớn, được thiết kế dành cho hệ thống dân dụng. Sản phẩm cho phép lưu trữ lượng điện dư từ hệ thống điện mặt trời để sử dụng vào giờ cao điểm hoặc khi mất điện, giúp người dùng nâng cao khả năng tự chủ năng lượng và tối ưu hóa tỷ lệ tự tiêu thụ. Tương thích với các inverter điện áp thấp GoodWe, đảm bảo khả năng tích hợp liền mạch và hiệu suất vận hành tối ưu, mang đến trải nghiệm sử dụng điện dân dụng ổn định, hiệu quả và an toàn.



Hiệu năng vượt trội

- 0.5C / 0.63C: đáp ứng dự phòng mạnh mẽ cho nhu cầu phụ tải cao
- Cell 314Ah, 8000 chu kỳ: nâng cao tuổi thọ, hiệu suất ổn định
- Điều hòa nhiệt độ: vận hành ổn định -20°C ~ 55°C¹



Mở rộng hệ thống

- Kết nối song song tối đa 30 bộ: mở rộng công suất theo nhu cầu
- Thiết kế Daisy-chain hai đầu: không cần busbar, tăng tính linh hoạt khi lắp đặt
- Thiết kế lắp đặt sàn hoặc treo tường: phù hợp nhiều không gian triển khai



Cơ chế an toàn đa lớp

- Chuẩn IP65: tăng tuổi thọ và độ bền
- Tách biệt nhiệt – điện & cách ly nhiệt từng cell
- Hệ thống dập cháy bằng khí dung Aerosol¹: kiểm soát cháy chủ động



Lắp đặt nhanh chóng & dễ dàng

- CB tích hợp: giảm linh kiện, lắp đặt nhanh hơn
- Giới hạn dòng điện tích hợp: mở rộng nhanh & tự khôi phục khi đấu song song
- Thiết kế nhỏ gọn, tùy chọn bánh xe: dễ di chuyển, lắp đặt và bảo trì

Thông số kỹ thuật		GW16.1-BAT-LV-G10
Loại pin		LFP (LiFePO ₄)
Dung lượng danh định (Ah)		314
Dung lượng danh định (kWh)		16.1
Dung lượng khả dụng (kWh) ^{*1}		≥14.9
Điện áp danh định (V)		51.2
Dải điện áp hoạt động (V)		45.92 ~ 57.76
Dòng sạc liên tục tối đa (Hệ thống) (A)		157
Dòng xả liên tục tối đa (Hệ thống) (A)		200
Công suất đầu vào tối đa (kW) ^{*2}		8
Công suất đầu ra tối đa (kW) ^{*2}		10
Công suất đầu ra đỉnh (Hệ thống) (kW) ^{*2}		16 (15s)
Dải nhiệt độ sạc (°C)		0 ~ +55
Dải nhiệt độ xả (°C)		-20 ~ +55
Độ ẩm tương đối		5 - 95%
Độ cao hoạt động tối đa (m)		4000
Giao tiếp		CAN
Khối lượng (kg)		≤122
Tác nhân chữa cháy sử dụng		CO ₂ , H ₂ O
Vật liệu chính		LiFePO ₄ , C, Cu, LiPF ₆ , Al, (C ₃ H ₆) n
Cấp bảo vệ		IP65
Cấp cách điện		I
Kích thước (W x H x D mm)		≤470 x 895 x 245 (Không bao gồm đế)
Cấu hình chức năng		Bánh xe điều chỉnh (Tùy chọn); Hệ thống chữa cháy aerosol (Tùy chọn)
Thời gian lưu trữ tối đa		-20 ~ +35°C ≤12 tháng +35 ~ +45°C ≤6 tháng
Khả năng mở rộng		30P
Phương thức lắp đặt		Lắp treo tường, Lắp đặt sàn
Tuổi thọ chu kỳ ^{*3}		≥8000 (25 ± 2°C 0.5C 90% DOD 70% SOH)
Tiêu chuẩn & Chứng nhận	An toàn	IEC62619, IEC60730, IEC63056, CE
	EMC	CE
	Vận chuyển	UN38.3, MSDS

^{*1}: Điều kiện thử nghiệm: DOD 100% (dải điện áp cell 2.87 ~ 3.61V), sạc & xả 0.2P tại 25 ± 2°C đối với hệ thống pin ở giai đoạn đầu vòng đời. Năng lượng sử dụng được xác định theo giá trị thiết kế ban đầu. Năng lượng thực tế có thể thay đổi tùy theo tốc độ sạc/xả, điều kiện môi trường (ví dụ: nhiệt độ), cũng như các yếu tố vận chuyển và lưu trữ.
^{*2}: Công suất đầu vào tối đa / Công suất đầu ra tối đa / Công suất đầu ra đỉnh sẽ bị suy giảm tùy theo nhiệt độ và SOC.
^{*3}: Áp dụng cho tuổi thọ chu kỳ của cell pin.
*: Vui lòng truy cập trang web GoodWe để biết các chứng nhận mới nhất.